

STT	Lớp	Mã số	Họ và tên HS	Ngày sinh	Nơi sinh	Tổng điểm	Mã hồ sơ	Ghi chú
01	10C12	C12-01	Nguyễn Phúc Như Anh			19.25	K23-015	
02	10C12	C12-02	Cao Nguyễn Quý Ân			23	K23-010	
03	10C12	C12-03	Phạm Thiên Bảo			21	K23-055	
04	10C12	C12-04	Nguyễn Thanh Ngọc Bảo			20.5	K23-064	
05	10C12	C12-05	Phạm Nguyễn Gia Bảo			21.25	K23-065	
06	10C12	C12-06	Lê Kiên Cường			25.5	K23-079	
07	10C12	C12-07	La Hoàng Kỳ Duyên			20	K23-124	
08	10C12	C12-08	Nguyễn Chí Đức			25	K23-102	
09	10C12	C12-09	Võ Thái Châu Giang			20.25	K23-130	
10	10C12	C12-10	Lê Tân Hiếu			21	K23-159	
11	10C12	C12-11	Nguyễn Thái Hòa			20	K23-166	
12	10C12	C12-12	Phạm Lại Gia Huy			19.5	K23-191	
13	10C12	C12-13	Phạm Việt Huy			20	K23-192	
14	10C12	C12-14	Nguyễn Gia Huy			23.75	K23-196	
15	10C12	C12-15	Nguyễn Thái Gia Huy			20.75	K23-198	
16	10C12	C12-16	Trần Gia Huy			20.5	K23-204	
17	10C12	C12-17	Chu Nguyễn Phúc Hưng			22.5	K23-180	
18	10C12	C12-18	Hồ Gia Khang			20.25	K23-218	
19	10C12	C12-19	Trần Tiến Khải			21.25	K23-212	
20	10C12	C12-20	Hoàng Ngọc Văn Khánh			19.5	K23-230	
21	10C12	C12-21	Nguyễn Ngọc Bảo Khánh			19.5	K23-233	
22	10C12	C12-22	Đặng Văn Anh Khoa			24.5	K23-237	
23	10C12	C12-23	Nguyễn Văn Thiện Khoa			22.5	K23-250	
24	10C12	C12-24	Trần Thiên Long			20.25	K23-293	
25	10C12	C12-25	Nguyễn Hữu Lộc			20.75	K23-288	
26	10C12	C12-26	Lê Quang Minh			21	K23-312	
27	10C12	C12-27	Nay Trần Khánh Ngọc			19.5	K23-353	
28	10C12	C12-28	Nguyễn Yên Nhi			20.75	K23-377	
29	10C12	C12-29	Trần Thị Trúc Nhi			21.75	K23-381	
30	10C12	C12-30	Lâm Vĩnh Phát			21.75	K23-411	
31	10C12	C12-31	Phạm Minh Phát			20.5	K23-412	
32	10C12	C12-32	Trần Nguyễn Duy Phú			20.25	K23-416	
33	10C12	C12-33	Phạm Nguyễn Thiên Phúc			19.75	K23-432	
34	10C12	C12-34	Võ Minh Phúc			20.75	K23-437	
35	10C12	C12-35	Nguyễn Đỗ Trọng Phụng			24	K23-439	
36	10C12	C12-36	Nguyễn Lê Hoàng Quân			21.5	K23-458	
37	10C12	C12-37	Hoàng Nguyễn Việt Tài			20.25	K23-478	
38	10C12	C12-38	Huỳnh Minh Tâm			20	K23-484	
39	10C12	C12-39	Nguyễn Hữu Thịnh			22.25	K23-522	
40	10C12	C12-40	Hoàng Minh Thông			20.75	K23-527	
41	10C12	C12-41	Vũ Nguyễn Diễm Thư			22	K23-530	
42	10C12	C12-42	Nguyễn Anh Thư			19.5	K23-536	
43	10C12	C12-43	Đào Thị Yến Trang			21	K23-583	
44	10C12	C12-44	Võ Thành Trung			20.5	K23-619	
45	10C12	C12-45	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc			21.75	K23-613	
46	10C12	C12-46	Trương Thành Trường			21.25	K23-622	
47	10C12	C12-47	Nguyễn Ngọc Thúy Vy			21	K23-662	
48	10C12	C12-48	Lý Thảo Vy			19.25	K23-674	
49	10C12	C12-49						
50	10C12	C12-50						